

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Ngôn ngữ học; Chuyên ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Trung Quốc)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LƯU HÓN VŨ

2. Ngày tháng năm sinh: 18/10/1984; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường 2, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): số 187, đường Phan Thanh Giản, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): số 36, đường Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 082.515.9698; E-mail: luuhonvu@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 08 năm 2016: Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ tháng 08 năm 2016 đến tháng 01 năm 2019: Giảng viên, Trưởng bộ môn Ngoại ngữ 2, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ tháng 01 năm 2019 đến nay: Giảng viên, giảng viên chính, Phó Trưởng khoa, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: số 36, đường Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 028.62.959.202 - 028.38.970.191

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 08 năm 2006; số văn bằng: 106TQ/06; ngành: Ngữ văn Trung Quốc, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 09 năm 2018; số văn bằng: 1736046; ngành: Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 07 năm 2011; số văn bằng: 100279201102000007; ngành: Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Trung Quốc.

- Được cấp bằng ThS ngày 05 tháng 01 năm 2021; số văn bằng: M00612; ngành: Quản trị kinh doanh; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 01 tháng 07 năm 2014; số văn bằng: 100279201401000007; ngành: Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Trung Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngôn ngữ học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tiếng Trung Quốc và so sánh, đối chiếu ngôn ngữ Trung - Việt;
- Thụ đắc tiếng Trung Quốc của người học Việt Nam;
- Giáo dục tiếng Trung Quốc cho người học Việt Nam.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 04 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 121 bài báo khoa học, trong đó 22 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, bao gồm:
 - + 02 bài là tác giả chính trên tạp chí ISI (ESCI),
 - + 17 bài là tác giả chính trên tạp chí của đại học thuộc Top 500 thế giới,
 - + 02 bài là tác giả chính và 01 bài là tác giả thứ hai trên tạp chí thuộc CSSCI của Trung Quốc;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05 (gồm 04 sách chuyên khảo và 01 giáo trình), trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua giai đoạn 2015-2020 (năm 2020);
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích xuất sắc trong công tác tuyển sinh (năm 2020, năm 2021);
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Cán bộ Ngân hàng rèn sức, luyện nghề, sáng tạo” (năm 2021);
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học (năm 2023, năm 2024);
- Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (năm 2017);
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (các năm học 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của nhà giáo, cụ thể là:
 - + Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng;
 - + Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo, cụ thể là:

+ Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;

+ Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo;

+ Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo;

+ Tôn trọng, đối xử công bằng với người học và đồng nghiệp;

+ Bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học và đồng nghiệp;

+ Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học;

+ Số giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học hàng năm luôn đạt và vượt định mức theo quy định của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 07 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019					375		375/450/216
2	2019-2020					375		375/450/216
3	2020-2021					390		390/468/189
03 năm học cuối								
4	2021-2022					360		360/432/189
5	2022-2023					330		330/396/189
6	2023-2024			02		315		315/378/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Trung Quốc

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Trung Quốc năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; số bằng: 106TQ/06; năm cấp: 2006

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An; số bằng: 1736046; năm cấp: 2018

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Trung Quốc

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Minh Đức		x	x		2021-2024	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 1457/QĐ-ĐHSP ngày 22/05/2024
2	Lê Thị Ngọc Diễm		x	x		2022-2024	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 1458/QĐ-ĐHSP ngày 22/05/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang...)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	汉越趋向补语对比习得研究 Nghiên cứu so sánh đối chiếu bổ ngữ chỉ hướng Trung - Việt và thụ đắc của người học Việt Nam ISBN: 978-7-5201-6148-0	CK	社会科学文献出版社 (Social Sciences Academic Press, China) (Nhà xuất bản trực thuộc Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc) Năm 2020	01	x	cả quyển	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 13/06/2024)
2	Giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học ISBN: 978-604-73-9117-2	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh Năm 2022	01	x	cả quyển	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 14/06/2024)
3	Nghiên cứu quy luật đối ứng ngữ âm giữa âm Hán Việt tiếng Việt và tiếng Trung Quốc hiện đại ISBN: 978-604-364-581-1	CK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội Năm 2023	01	x	cả quyển	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 14/06/2024)
4	Nghiên cứu về sinh viên học ngoại ngữ thứ hai (tiếng Trung Quốc) tại Việt Nam ISBN: 978-604-364-663-4	CK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội Năm 2023	01	x	cả quyển	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 14/06/2024)
5	Nghiên cứu về sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam ISBN: 978-604-9964-29-9	CK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội Năm 2024	01	x	cả quyển	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 14/06/2024)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 05, bao gồm [1], [2], [3], [4] và [5].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/ Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	ĐT: So sánh chiến lược học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên chuyên ngành và sinh viên không chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	CN	CT-1907-107 Cấp Cơ sở	07/2019- 02/2020	Quyết định số 104/QĐ-ĐHNH ngày 05/02/2020 Xuất sắc
2	ĐT: Thu đặc từ li hợp có cấu trúc “động + tân” trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	CN	CT-2007-124 Cấp Cơ sở	07/2020- 05/2021	Quyết định số 886/QĐ-ĐHNH ngày 19/05/2021 Xuất sắc
3	ĐT: Tình hình sử dụng câu so sánh ngang bằng trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	CN	CT-2108-144 Cấp Cơ sở	08/2021- 02/2022	Quyết định số 383/QĐ-ĐHNH ngày 28/02/2022 Xuất sắc
4	ĐT: So sánh phương vị từ tiếng Trung Quốc “li”, “zhong”, “nei” và phương vị từ tiếng Việt “trong”	CN	CT-2306-187 Cấp Cơ sở	06/2023- 04/2024	Quyết định số 890/QĐ-ĐHNH ngày 10/04/2024 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	试谈现代汉—越语合成词构词法的异同 Bước đầu so sánh cấu tạo từ ghép của tiếng Trung Quốc và tiếng Việt	01	x	语文学刊 Journal of Language and Literature Studies ISSN: 1672-8610			Số 08, 7-8	08/2011
2	越南汉语教材的现状及其编写建议 Thực trạng giáo trình tiếng Trung Quốc tại Việt Nam và một số kiến nghị	01	x	现代语文 Modern Chinese ISSN: 1008-8024			Số 27, 116-118	09/2011
3	汉语新程度副词“超”和越南语“SIÊU”的异同 So sánh giới từ chỉ mức độ “chao” của tiếng Trung Quốc và “siêu” của tiếng Việt	02	x	云南师范大学学报 (对外汉语教学与研究版) Journal of Yunnan Normal University (Teaching & Studying Chinese as a Foreign Language Edition) ISSN: 1672-1306			Tập 10, Số 1, 80-82	01/2012
4	汉语介词“跟”和越南语介词“VỚI”的异同 So sánh giới từ “gen” của tiếng Trung Quốc và giới từ “vói” của tiếng Việt	02	x	海外华文教育 Overseas Chinese Education ISSN: 2221-9056	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 451-500, QS World University Rankings 2012		Số 3, 248-252	09/2012
5	来华越南留学生跨文化适应研究 Nghiên cứu thích ứng liên văn hoá của lưu học sinh Việt Nam tại Trung Quốc	02		云南师范大学学报 (对外汉语教学与研究版) Journal of Yunnan Normal University (Teaching & Studying Chinese as a Foreign Language Edition) ISSN: 1672-1306			Tập 10, Số 6, 70-77	11/2012

6	<p>基于越南学生中介语语料库的趋向补语偏误分析</p> <p>Phân tích lỗi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng trên cơ sở Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian của sinh viên Việt Nam</p>	01	x	<p>国际汉语学报 (学林出版社)</p> <p>International Journal of Chinese Studies (Xuelin Publishing House, China)</p> <p>ISBN: 978-7-5486-0489-1/H33</p>	<p>Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 451-500, QS World University Rankings 2012</p>	<p>Tập 3, Số 2, 168-173</p>	01/2013
7	<p>现代汉语和越南语词缀异同初探</p> <p>Bước đầu so sánh phụ tố của tiếng Trung Quốc và tiếng Việt</p>	01	x	<p>现代语文</p> <p>Modern Chinese</p> <p>ISSN: 1008-8024</p>		<p>Số 12, 131-132</p>	04/2013
8	<p>结构语义学在对越汉语词汇教学中的应用</p> <p>Ứng dụng ngữ nghĩa học cấu trúc trong giảng dạy từ vựng tiếng Trung Quốc cho người Việt Nam</p>	01	x	<p>西华大学学报 (哲学社会科学版)</p> <p>Journal of Xihua University (Philosophy & Social Sciences)</p> <p>ISSN: 1672-8505</p>		<p>Tập 32, Số 4, 73-76</p>	07/2013
9	<p>初级汉语水平越南学生的趋向补语偏误分析</p> <p>Phân tích lỗi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng của sinh viên Việt Nam giai đoạn tiếng Trung Quốc sơ cấp</p>	01	x	<p>云南师范大学学报 (对外汉语教学与研究版)</p> <p>Journal of Yunnan Normal University (Teaching & Studying Chinese as a Foreign Language Edition)</p> <p>ISSN: 1672-1306</p>		<p>Tập 11, Số 4, 69-73</p>	07/2013
10	<p>母语环境下越南学习者汉语学习型词典的需求调查研究</p> <p>Nghiên cứu nhu cầu từ điển học tập tiếng Trung Quốc của người học Việt Nam trong môi trường tiếng mẹ đẻ</p>	02	x	<p>海外华文教育</p> <p>Overseas Chinese Education</p> <p>ISSN: 2221-9056</p>	<p>Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 451-500, QS World University Rankings 2012</p>	<p>Số 3, 265-270</p>	09/2013
11	<p>“就是……也/都……”的量级标示功能</p> <p>Chức năng chỉ dấu mức độ lượng của cấu trúc “jiushi... ye/ dou...”</p>	03		<p>汉语学习</p> <p>Chinese Language Learning</p> <p>ISSN: 1003-7365</p>	<p>Tạp chí uy tín, danh mục CSSCI của Trung Quốc</p>	<p>Số 5, 65-70</p>	10/2013

12	补语“出来”“出去”趋向意义上的对称与不对称 Đối xứng và không đối xứng về nghĩa chỉ hướng của bổ ngữ “chulai” và “chuqu”	01	x	鸡西大学学报 Journal of Jixi University ISSN: 1672-6758			Tập 13, Số 10, 129-131	10/2013
13	20世纪90年代以来汉越语言对比研究综述 Nhìn lại so sánh, đối chiếu ngôn ngữ Trung - Việt từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay	02	x	汉语国际传播研究 (商务印书馆) Chinese Language Globalization Studies (The Commercial Press, China) ISBN: 978-7-100-10048-9			Số 1, 142-146	12/2013
14	越南学生汉语趋向补语偏误中母语负迁移的体现 Những biểu hiện của chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ trong lỗi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	国际汉学报 (学林出版社) International Journal of Chinese Studies (Xuelin Publishing House, China) ISBN: 978-7-5486-0586-7/H41	Tập chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 451-500, QS World University Rankings 2012		Tập 4, Số 2, 168-173	12/2013
15	基于越南学生汉语中介语语料库的“出”组趋向补语习得研究 Nghiên cứu thụ đắc nhóm bổ ngữ chỉ hướng “chu” trên cơ sở Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	汉语教学学刊 (北京大学出版社) Journal of Chinese Language Studies (Peking University Press, China) ISBN: 978-7-301-23623-9	Tập chí uy tín, Đại học Bắc Kinh (Peking University), Top 46, THE World University Rankings 2013		Số 9, 382-387	12/2013
16	基于越南学生汉语中介语语料库的“上”组趋向补语习得研究 Nghiên cứu thụ đắc nhóm bổ ngữ chỉ hướng “shang” trên cơ sở Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	第二届汉语中介语语料库建设与应用国际学术讨论会论文选集 (北京语言大学出版社) Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Xây dựng và ứng dụng kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc lần II” (Beijing Language and Culture University Press, China) ISBN: 978-7-5619-3748-8			245-253	12/2013

17	高级汉语水平越南学生的趋向补语偏误分析 Phân tích lỗi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng của sinh viên Việt Nam giai đoạn tiếng Trung Quốc cao cấp	01	x	西华大学学报 (哲学社会科学版) Journal of Xihua University (Philosophy & Social Sciences) ISSN: 1672-8505			Tập 33, Số 1, 44-46	01/2014
II	Sau khi được công nhận TS							
18	Biên soạn giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho sinh viên không chuyên ngữ – thực trạng và kiến nghị	02	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409			Số 10, 6-10	10/2014
19	对外汉语趋向补语教学研究综述 Tình hình nghiên cứu về bổ ngữ chỉ hướng trong giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngôn ngữ thứ hai	01	x	国际汉语学报 (学林出版社) International Journal of Chinese Studies (Xuelin Publishing House, China) ISBN: 978-7-5486-0785-4/H49	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 441-450, QS World University Rankings 2015		Tập 5, Số 2, 273-279	01/2015
20	越南高校汉语师范专业课程设置研究 Nghiên cứu về chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc của các trường đại học tại Việt Nam	01	x	海外华文教育 Overseas Chinese Education ISSN: 2221-9056	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 441-450, QS World University Rankings 2015		Số 1, 64-70	01/2015
21	Phân tích lỗi của sinh viên Việt Nam giai đoạn trung cấp khi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng tiếng Trung	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng ISSN: 1859-1531			Số 4, 75-77	04/2015
22	汉语“了”在越南语中的对应形式及母语环境下越南初级汉语学习者“了”的习得 Các hình thức tương ứng trong tiếng Việt của từ “le” tiếng Trung Quốc và thụ đắc của người học Việt Nam ở giai đoạn sơ cấp trong môi trường tiếng mẹ đẻ	02	x	语言教学与研究 Language Teaching and Linguistic Studies ISSN: 0257-9448	Tạp chí uy tín, danh mục CSSCI của Trung Quốc		Số 4, 25-32	07/2015

23	现代汉语趋向动词相关研究综述 Tình hình nghiên cứu về động từ chỉ hướng trong tiếng Trung Quốc	01	x	国际汉语学报 (学林出版社) International Journal of Chinese Studies (Xuelin Publishing House, China) ISBN: 978-7-5486-0892-9/H54	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 441-450, QS World University Rankings 2015		Tập 6, Số 1, 273-283	08/2015
24	母语环境下越南学习者汉语列举助词使用情况考察 Khảo sát tình hình sử dụng trợ từ liệt kê tiếng Trung Quốc của người học Việt Nam trong môi trường tiếng mẹ đẻ	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2015 “Giảng dạy và nghiên cứu tiếng Trung Quốc tại Việt Nam: Thực trạng và Hướng phát triển” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-62-4007-5			455-464	11/2015
25	胡志明市银行大学汉语教学的现状及对策 Hiện trạng giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp đổi mới dạy và học tiếng Trung trong các cơ sở giáo dục và đào tạo Việt Nam” Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh			88-93	12/2015
26	基于越南学生汉语中介语语料库的趋向补语“来、去”习得考察 Khảo sát thụ đắc bổ ngữ chỉ hướng “lai, qu” trên cơ sở Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	对外汉语研究 (商务印书馆) Research on Chinese as a Second Language (The Commercial Press, China) ISBN: 978-7-100-11859-0	Tạp chí uy tín, danh mục CSSCI của Trung Quốc		Số 13, 112-119	12/2015
27	汉语介词“在”与其越南语对应介词的异同 So sánh giới từ “zai” của tiếng Trung Quốc và giới từ tương ứng trong tiếng Việt	01	x	国际汉语学报 (学林出版社) International Journal of Chinese Studies (Xuelin Publishing House, China) ISBN: 978-7-5486-0976-6/H61	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 401-410, QS World University Rankings 2016		Tập 6, Số 2, 100-106	01/2016

28	Giảng dạy biên phiên dịch cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc: Những vấn đề tồn tại và kiến nghị	02	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Giảng dạy biên – phiên dịch bậc đại học” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-73-3831-3			346-356	01/2016
29	基于越南学生汉语中介语语料库的“下”组趋向补语习得研究 Nghiên cứu thụ đắc nhóm bổ ngữ chỉ hướng “xia” trên cơ sở Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	海外华文教育 Overseas Chinese Education ISSN: 2221-9056	Tap chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 401-410, QS World University Rankings 2016		Số 2, 239-246	03/2016
30	Ứng dụng phương pháp dạy học theo nhiệm vụ trong giảng dạy môn Nói tiếng Trung Quốc	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Teaching Methodologies and Learning Outcomes in Ho Chi Minh City” (Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-922-335-8			186-192	05/2016
31	越南学生汉语趋向补语句习得顺序考察 Khảo sát thứ tự thụ đắc câu bổ ngữ chỉ hướng trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	世界华文教学 (社会科学文献出版社) Chinese Culture and Teaching in the World (Social Sciences Academic Press, China) ISBN: 978-7-5097-9106-6			Số 2, 72-86	05/2016
32	汉越语时间副词进行体标记对比及其习得研究 So sánh chỉ dấu thể tiếp diễn tiếng Trung Quốc - tiếng Việt và thụ đắc của sinh viên Việt Nam	02	x	国际汉语教学研究 Journal of International Chinese Teaching ISSN: 2095-798X			Số 3, 90-96	07/2016

33	汉语经历体标记“过”及其在越南语中的对应形式 Chỉ dấu thể kinh qua “guo” trong tiếng Trung Quốc và các hình thức đối ứng trong tiếng Việt	01	x	国际汉语学报 (学林出版社) International Journal of Chinese Studies (Xuelin Publishing House, China) ISBN: 978-7-5486-1041-0/H69	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 401-410, QS World University Rankings 2016		Tập 7, Số 1, 57-66	08/2016
34	Bước đầu tìm hiểu những từ tiếng Trung dễ nhầm lẫn của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng ISSN: 1859-1531			Số 10, 40-44	10/2016
35	Động cơ học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài ISSN: 2525-2445			Tập 33, Số 3, 146-154	03/2017
36	母语环境下越南初级汉语学习者因事关联词的混淆分布与成因分析 Phân bố và nguyên nhân dẫn đến lỗi nhầm lẫn quan hệ từ chỉ nguyên nhân - mục đích của người học Việt Nam ở giai đoạn tiếng Trung Quốc sơ cấp trong môi trường tiếng mẹ đẻ	01	x	海外华文教育 Overseas Chinese Education ISSN: 2221-9056	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 451-460, QS World University Rankings 2017		Số 4, 525-532	04/2017
37	Bàn về biên soạn giáo trình Văn học Trung Quốc cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Innovation and creativity in teaching and learning foreign languages” (Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-922-509-3			705-714	05/2017
38	母语环境下汉语专业与非汉语专业学生学习动机差异研究——以越南学生为例 Nghiên cứu sự khác biệt về động cơ học tập giữa sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và sinh viên không thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trong môi trường tiếng mẹ đẻ - Trường hợp sinh viên Việt Nam	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung” (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-947-782-9			220-226	05/2017

39	越南学生二外汉语与二外日语学习动机对比分析 So sánh động cơ học tập ngoại ngữ thứ hai - tiếng Trung Quốc và động cơ học tập ngoại ngữ thứ hai - tiếng Nhật của sinh viên Việt Nam	01	x	国际汉语学报 (厦门大学出版社) International Journal of Chinese Studies (Xiamen University Press) ISBN: 978-7-5615-6560-5	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 451-460, QS World University Rankings 2017		Tập 8, Số 1, 254-263	07/2017
40	越中汉语师范专业的课程设置比较研究 – 以越南胡志明市师范大学和中国华侨大学为例 Nghiên cứu so sánh chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc giữa Việt Nam và Trung Quốc – Trường hợp Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) và Đại học Huaqiao (Trung Quốc)	01	x	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm” (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-958-103-8			603-608	12/2017
41	汉语持续体标记“着”在越南语中的对应形式 Các hình thức tương ứng trong tiếng Việt của chỉ dấu thể duy trì “zhe” trong tiếng Trung Quốc	02	x	海外华文教育 Overseas Chinese Education ISSN: 2221-9056	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 431-440, QS World University Rankings 2018		Số 1, 54-65	01/2018
42	So sánh HSK và TOCFL	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-3100			Tập 15, Số 2, 77-88	02/2018
43	Bàn về ứng dụng mô hình “lớp học đảo ngược” trong giảng dạy ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2018 “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-961-677-8			693-699	04/2018
44	Bàn về bồi dưỡng chiến lược siêu nhận thức cho	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế 2018			511-520	05/2018

	sinh viên ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc			“Language Learning and Teaching Transformation in the Post – Method Era” (Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-922-644-1				
45	基于越南学生汉语中介语语料库的“起”组趋向补语习得研究 Nghiên cứu thụ đắc nhóm bổ ngữ chỉ hướng “qǐ” trên cơ sở Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	数字化汉语教学 2018 - 第十一届中文教学现代化国际研讨会论文集 (清华大学出版社) Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Hiện đại hoá giảng dạy tiếng Trung Quốc” lần XI (Tsinghua University Press, China) ISBN: 978-7-302-50523-5			278-285	07/2018
46	汉语延续体标记“下来”“下去”在越南语中的对应形式 Các hình thức tương ứng trong tiếng Việt của chỉ dấu thể tiếp tục “xialai” “xiaqu” trong tiếng Trung Quốc	02	x	国际汉学学报 (厦门大学出版社) International Journal of Chinese Studies (Xiamen University Press, China) ISBN: 978-7-5615-6973-3	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 431-440, QS World University Rankings 2018		Tập 9, Số 1, 96-110	07/2018
47	Động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-3100			Tập 15, Số 11, 123-130	11/2018
48	汉语起始体标记“起来”在越南语中的对应形式 Các hình thức tương ứng trong tiếng Việt của chỉ dấu thể khởi phát “qǐlai” trong tiếng Trung Quốc	02	x	世界华文教学 (社会科学文献出版社) Chinese Culture and Teaching in the World (Social Sciences Academic Press, China) ISBN: 978-7-5097-6110-6			Số 5, 185-203	12/2018

49	Khảo sát quá trình thụ đắc câu có từ “bị” của người học Việt Nam giai đoạn tiếng Trung Quốc trung cấp	01	x	<p>汉字文化圈汉语教学与研究 (河内国家大学出版社)</p> <p>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Giảng dạy và nghiên cứu tiếng Trung Quốc khu vực văn hoá chữ Hán” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội)</p> <p>ISBN: 978-604-62-5281-8</p>			342-350	12/2018
50	Khảo sát tình hình sử dụng câu ghép nhân quả “yinwei” (因为) tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam giai đoạn sơ cấp	01	x	<p>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2019 “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội)</p> <p>ISBN: 978-604-9805-71-4</p>			509-605	04/2019
51	Sử dụng trò chơi trong giảng dạy chữ Hán tiếng Trung Quốc cho sinh viên không chuyên	01	x	<p>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế 2019 “Innovation and inspiration: building the future of language education” (Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)</p> <p>ISBN: 978-604-922-730-1</p>			610-619	05/2019
52	Chiến lược học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh	01	x	<p>Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học toàn quốc 2019: “Ngôn ngữ Việt Nam trong bối cảnh giao lưu, hội nhập và phát triển” (Nhà xuất bản Dân trí)</p> <p>ISBN: 978-604-88-7739-2</p>			1017-1024	06/2019
53	Chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	<p>Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>ISSN: 1859-0136</p>			Số 8, 59-68	08/2019

54	<p>初级汉语水平越南学生“比”字句习得过程考察</p> <p>Khảo sát quá trình thụ đắc câu có từ “bi” của sinh viên Việt Nam giai đoạn tiếng Trung Quốc sơ cấp</p>	01	x	<p>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>ISSN: 1859-3100</p>			<p>Tập 16, Số 10, 582-589</p>	10/2019
55	<p>非目的语环境下越南汉语学习者形声字形旁意识发展考察</p> <p>Khảo sát sự phát triển ý thức thành tố biểu ý trong chữ hình thanh của người Việt Nam học tiếng Trung Quốc trong môi trường phi ngôn ngữ đích</p>	01	x	<p>Journal of International Han-character Education Research</p> <p>ISSN: 2672-1341</p>			<p>Số 1, 139-152</p>	10/2019
56	<p>Lo lắng trong học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc</p>	01	x	<p>Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài</p> <p>ISSN: 2525-2445</p>			<p>Tập 35, Số 5, 54-65</p>	10/2019
57	<p>Quan hệ đối ứng giữa thanh điệu tiếng Trung Quốc và thanh điệu trong âm Hán – Việt</p>	01	x	<p>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Những vấn đề ngôn ngữ học ở Việt Nam và Đông Nam Á” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)</p> <p>ISBN: 978-604-73-6936-2</p>			<p>468-477</p>	11/2019
58	<p>初级汉语水平越南学生经历体标记“过”的偏误分析</p> <p>Phân tích lỗi sử dụng chỉ dấu thể kinh qua “guo” trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam ở giai đoạn sơ cấp</p>	01	x	<p>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tiếng Trung Quốc trong xu thế toàn cầu hoá” (Nhà xuất bản Tài chính)</p> <p>ISBN: 978-604-79-2244-4</p>			<p>348-354</p>	11/2019
59	<p>Chiến lược học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại TP. Hồ Chí Minh</p>	01	x	<p>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>ISSN: 1859-3100</p>			<p>Tập 16, Số 11, 799-808</p>	11/2019

60	Những ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và các biện pháp ứng phó trong đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đổi mới phương pháp dạy và học tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0” (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-9873-47-8			62-68	12/2019
61	Khảo sát hiện tượng nhầm lẫn khi sử dụng tính từ biểu thị trạng thái vui mừng trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam (Trùng hợp các tính từ: “高兴”, “快乐”, “愉快”)	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409			Số 1, 33-37	01/2020
62	母语环境下初级汉语阶段越南学生学习动机研究 Nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên Việt Nam giai đoạn sơ cấp trong môi trường tiếng mẹ đẻ	01	x	国际汉语教学研究 Journal of International Chinese Teaching ISSN: 2095-798X			Số 2, 59-66	04/2020
63	Chiến lược học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2020 “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-9947-67-4			687-695	04/2020
64	Bước đầu xây dựng mô hình giảng dạy kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc giai đoạn sơ cấp trên cơ sở phương pháp giảng dạy theo nội dung	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế 2020 “Language Education for Global Competence: Finding Authentic Voices and Embracing Meaningful Practices” (Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-922-866-7			744-755	05/2020

65	Lo lắng trong học tập tiếng Trung Quốc – ngoại ngữ thứ hai của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh (trường hợp Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)	01	x	Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-0136		Số 5, 55-64	05/2020
66	助词“来着”在越南语中的对应形式 Các hình thức tương ứng trong tiếng Việt của trợ từ “laizhe”	01	x	海外华文教育 Overseas Chinese Education ISSN: 2221-9056	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 451, QS World University Rankings 2020	Số 3, 118-126	06/2020
67	Nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam – Giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-3100		Tập 17, Số 7, 1206-1214	07/2020
68	Quan niệm học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài ISSN: 2525-2445		Tập 36, Số 5, 137-150	10/2020
69	初级汉语水平越南学生持续体标记“着”的偏误分析 Phân tích lỗi sử dụng chỉ dấu thể duy trì “zhe” trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam giai đoạn tiếng Trung Quốc sơ cấp	01	x	Journal of International Character Education Research ISSN: 2672-1341		Tập 3, Số 2, 79-92	10/2020
70	Khảo sát chú thích từ li hợp trong từ điển dành cho người học tiếng Trung Quốc	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Từ điển học và Bách khoa thư học Việt Nam: Lí luận và thực tiễn” (Nhà xuất bản Dân trí) ISBN: 978-604-304-743-1		583-589	11/2020
71	Khảo sát lỗi sử dụng đại từ bằng chỉ trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409		Số 12, 96-99	12/2020

72	Phân tích lỗi sử dụng cấu trúc “YUE A YUE B” (越 A 越 B) của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-3100			Tập 18, Số 1, 13-20	01/2021
73	Năng lực tự chủ trong học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc: Trường hợp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-0136			Số 2, 26-38	02/2021
74	Khảo sát lỗi sử dụng từ li hợp tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409			Số 2, 63-67	02/2021
75	Quan niệm học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp sinh viên khoa Tiếng Trung, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội ISSN: 0866-8051			Số 4, 34-44	04/2021
76	Phong cách học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc: Nghiên cứu trường hợp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài ISSN: 2525-2445			Tập 37, Số 2, 172-181	04/2021
77	21 世纪初以来对外汉语 “比” 字句教学研究述评 Nhìn lại và đánh giá các nghiên cứu về giảng dạy câu có từ “bi” trong tiếng Trung Quốc từ đầu thế kỉ 21 đến nay	02	x	世界华文教学 (社会科学文献出版社) Chinese Culture and Teaching in the World (Social Sciences Academic Press, China) ISBN: 978-7-5201-8419-9			Số 9, 94-109	06/2021
78	So sánh các cấu trúc “you A you B”, “yibian A yibian B” và “vừa A vừa B”	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-3100			Tập 18, Số 7, 1184-1190	07/2021

79	21 世纪初以来对外汉语离合词教学研究述评 Nhìn lại và đánh giá các nghiên cứu về giảng dạy từ li hợp trong tiếng Trung Quốc từ đầu thế kỉ 21 đến nay	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Giảng dạy tiếng Trung Quốc trong thời đại công nghiệp 4.0 lần thứ XII” (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-309-665-1			973-1002	07/2021
80	So sánh tình hình sử dụng liên từ biểu thị quan hệ lựa chọn “haishi” (还是) của người bản ngữ Trung Quốc và người học Việt Nam	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2021 (UNC 2021) “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam” (Quyển 1) (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-336-942-7			897-906	10/2021
81	Năng lực tự chủ trong học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài ISSN: 2525-2445			Tập 37, Số 5, 123-134	10/2021
82	Quan hệ đối ứng giữa vần trong tiếng Trung Quốc và vần trong âm Hán Việt	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên ISSN: 1859-2171			Số 18, 28-37	12/2021
83	越南学习者汉语复合趋向补语引申义习得考察 Khảo sát thụ đắc nghĩa phái sinh của bổ ngữ chỉ hướng tiếng Trung Quốc của người học Việt Nam	01	x	Journal of International Character Education Research ISSN: 2672-1341			Tập 4, Số 1, 31-48	12/2021
84	Sử dụng các cấu trúc so sánh ngang bằng trong tiếng Hán hiện đại	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409			Số 12, 89-93	12/2021
85	Quy kết trong học tập tiếng Trung Quốc là ngoại ngữ thứ hai của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh – Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ ISBN: 1859-2503			Số 68, 50-61	12/2021

86	Phân biệt nhóm từ tiếng Trung Quốc dễ nhầm lẫn “xiaochi”, “dianxin” và “lingshi”	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 2734-9918			Tập 19, Số 1, 125-133	01/2022
87	Khảo sát hiện tượng nhầm lẫn các phó từ chỉ thời gian trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-0136			Số 2, 57-65	02/2022
88	Khảo sát lỗi sử dụng hình thức phủ định câu so sánh hơn trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn ISSN: 1859-3208			Số 81, 39-44	03/2022
89	Nhu cầu trong học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam: Trường hợp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài ISSN: 2525-2445			Tập 38, Số 2, 140-150	04/2022
90	Niềm tin vào tính hiệu quả của bản thân trong học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc: Trường hợp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 2734-9918			Tập 19, Số 5, 760-768	05/2022
91	A study on affecting factors of Vietnamese students' satisfaction with Chinese language major curriculum: A case of a university in Ho Chi Minh city, Vietnam	01	x	Journal of Positive Psychology and Wellbeing ISSN: 2587-0130 https://journalppw.com/index.php/jppw/article/view/6693			Tập 6, Số 2, 607-619	05/2022
92	Phân tích hiện tượng nhầm lẫn các động từ “帮”, “帮忙”, “帮助” trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên ISSN: 1859-2171			Số 09, 109-115	06/2022
93	越南学生汉语文言连词“及”的偏误分析	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia năm 2022 “Nghiên cứu và giảng dạy tiếng			104-108	06/2022

	Phân tích lỗi sử dụng liên từ “ji” trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam			Trung Quốc với xu thế ứng dụng nghề nghiệp tương lai” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-379-160-0				
94	Tình hình giảng dạy tiếng Trung Quốc thương mại tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, ngôn ngữ thương mại” (Nhà xuất bản Lao động) ISBN: 978-604-360-695-9			313-319	06/2022
95	Phân tích hiện tượng nhầm lẫn các phó từ “zhen”, “zhende” và “zhenshi” của sinh viên Việt Nam	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2022 (UNC 2022) “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam” (Quyển 2) (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-379-091-7			771-776	06/2022
96	So sánh động cơ học tập ngoại ngữ thứ nhất và ngoại ngữ thứ hai của sinh viên Việt Nam: Trường hợp một trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội ISSN: 0866-8051			Số 6, 47-55	06/2022
97	越南学生汉语“做”“作”混淆偏误及原因分析 Phân tích lỗi nhầm lẫn “zuo” và “zuo” trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	海外华文教育 Overseas Chinese Education ISSN: 2221-9056	Tạp chí uy tín, Đại học Hạ Môn (Xiamen University), Top 407, QS World University Rankings 2022		Số 3, 12-20	06/2022
98	Quan hệ đối ứng giữa phụ âm đầu trong tiếng Hán hiện đại với phụ âm đầu trong âm Hán Việt	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409			Số 7, 59-69	07/2022
99	Các hình thức tương ứng trong tiếng Việt của từ li hợp tiếng Trung Quốc	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 2734-9918			Tập 19, Số 7, 1070-1077	07/2022

100	Tình hình sử dụng động từ hình thức trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài ISSN: 2525-2445			Tập 38, Số 4, 174-183	08/2022
101	Tình hình sử dụng các giới từ phương hướng trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên ISSN: 1859-2171			Số 12, 162-169	09/2022
102	越南汉语语法研究回顾与展望 Nhìn lại và triển vọng nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung Quốc tại Việt Nam	04		固本求新：国际汉语教学的新理念、新思路与新方法 Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Giảng dạy tiếng Trung Quốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần XIII” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-384-691-1			295-306	10/2022
103	疫情期间越南学生线上汉语学习满意度影响因素研究-以胡志明市银行大学为例 Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong học tập tiếng Trung Quốc trực tuyến của sinh viên Việt Nam trong giai đoạn Covid-19 – Trường hợp Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	固本求新：国际汉语教学的新理念、新思路与新方法 Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Giảng dạy tiếng Trung Quốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần XIII” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-384-691-1			648-659	10/2022
104	Phân tích hiện tượng nhầm lẫn các từ “全部”, “所有” và “一切” trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học toàn quốc 2022: “Ngôn ngữ học ứng dụng trong xu hướng hội nhập quốc tế” (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội) ISBN: 978-604-384-775-8			1583-1588	10/2022

105	A study on the learning attribution of Chinese language majors in a university in Ho Chi Minh City, Vietnam	01	x	Conhecimento & Diversidade ISSN: 2237-8049 http://dx.doi.org/10.18316/rcd.v14i34.10537	ISI (ESCI)		Tập 14, Số 34, 365-376	11/2022
106	Các cấu trúc có trợ từ 给 trong tiếng Hán hiện đại và thụ đắc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409			Số 12, 79-86	12/2022
107	Đặc điểm sử dụng từ li hợp tiếng Trung Quốc có cấu trúc “động + tân” của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội ISSN: 0866-8051			Số 12, 10-20	12/2022
108	So sánh kết cấu so sánh ngang bằng trong tiếng Trung Quốc và tiếng Việt từ góc độ loại hình ngôn ngữ học	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 2734-9918			Tập 20, Số 1, 45-54	01/2023
109	A study on self-efficacy of students majoring in the Chinese language at a university in Ho Chi Minh City, Vietnam	01	x	International Journal of Advanced and Applied Sciences ISSN: 2313-3724 https://doi.org/10.21833/jjaas.2023.02.007	ISI (ESCI)		Tập 10, Số 2, 50-56	02/2023
110	Chiến lược học tập kỹ năng nói tiếng Trung Quốc của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài ISSN: 2525-2445			Tập 39, Số 1, 106-117	02/2023
111	Hành vi trong lớp học của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 2734-9918			Tập 20, Số 6, 1043-1052	06/2023
112	对越南学生汉语中介语语料库的平比句使用情况考察 Khảo sát tình hình sử dụng câu so sánh bằng trên cơ sở Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	世界华文教学 (社会科学文献出版社) Chinese Culture and Teaching in the World (Social Sciences Academic Press, China) ISBN: 978-7-5228-1679-1			Số 11, 123-137	06/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

113	Đặc điểm cấu tạo tên cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ ISSN: 0866-7519		Số 6, 69-80	06/2023
114	Phân tích lỗi sử dụng từ 给 trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409		Số 8, 90-99	08/2023
115	Chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam - Trường hợp Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 2734-9918		Tập 20, Số 8, 1393-1404	08/2023
116	Chiến lược học tập ngữ âm tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam: Trường hợp sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên ISSN: 1859-2171		Số 11, 243-252	09/2023
117	Thụ đắc các cấu trúc có từ 给 trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung” lần 2 (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh) ISBN: 978-604-367-814-7		216-224	12/2023
118	Chiến lược học tập từ vựng tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam: Trường hợp sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn ISSN: 2354-1172		Tập 9, Số 6, 707-719	12/2023
119	Phân tích kết cấu ngữ nghĩa phương vị từ “里” (lǐ) trong tiếng Trung Quốc	01	x	Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư ISSN: 1859-3135		Số 1, 72-80	01/2024
120	Phân tích kết cấu ngữ nghĩa phương vị từ “nei” trong tiếng Trung Quốc	01	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 2734-9918		Tập 21, Số 1, 122-129	01/2024
121	Phân tích kết cấu ngữ nghĩa phương vị từ 中 trong tiếng Trung Quốc	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống ISSN: 0868-3409		Số 2, 37-45	02/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 16 bài báo khoa học là tác giả chính trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, trong đó có 02 bài báo khoa học là tác giả chính trên tạp chí thuộc danh mục ISI (ESCI) là bài báo [105] và [109], cụ thể như sau:

Luu Hon Vu (2022). A study on the learning attribution of Chinese language majors in a university in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Conhecimento & Diversidade*, 14(34), 365-376. <http://dx.doi.org/10.18316/rcd.v14i34.10537>

Luu Hon Vu (2023). A study on self-efficacy of students majoring in the Chinese language at a university in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Advanced and Applied Sciences*, 10(2), 50-56. <https://doi.org/10.21833/ijaas.2023.02.007>

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo khoa Ngoại ngữ năm 2017	Tham gia	Quyết định số 2018/QĐ-ĐHNH ngày 14/09/2027	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 514/QĐ-ĐHNH ngày 13/04/2018	
2	Đề án xây dựng phát triển chương trình đào tạo chuyên ngành Song ngữ Anh - Trung	Tham gia	Quyết định số 2434/QĐ-ĐHNH ngày 08/12/2021	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 667/QĐ-ĐHNH ngày 08/04/2022	
3	Đề án mở chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ quốc tế), ngành Ngôn ngữ Anh, trình độ đại học chính quy	Tham gia	Quyết định số 2904/QĐ-ĐHNH ngày 13/10/2023	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 372/QĐ-ĐHNH ngày 05/02/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: sách CKUT

Lưu Hón Vũ (刘汉武) (2020). 汉越趋向补语对比习得研究 (Nghiên cứu so sánh đối chiếu bổ ngữ chỉ hướng Trung - Việt và thụ đắc của người học Việt Nam). 社会科学文献出版社 (Social Sciences Academic Press, China). ISBN: 978-7-5201-6148-0. (Nhà xuất bản này trực thuộc Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, có uy tín trong việc xuất bản các tài liệu học thuật thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn).

Lưu Hón Vũ (2023). *Nghiên cứu quy luật đối ứng ngữ âm giữa âm Hán Việt tiếng Việt và tiếng Trung Quốc hiện đại*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. ISBN: 978-604-364-581-1.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



LƯU HÓN VŨ